

Số: 222/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 25 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2015

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:

Bước sang quý I/2015, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi, song diễn biến còn phức tạp; kinh tế trong nước có những tín hiệu tích cực, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát tốt; sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo.

Đối với tỉnh ta, tình hình sản xuất công nghiệp và kinh thương mại vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá; giá cả nguyên, nhiên, vật liệu và lãi suất ngân hàng ổn định; khó khăn doanh nghiệp từng bước tháo gỡ, hàng hóa tiêu thụ nhanh hơn. Cụ thể:

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

1.1. Giá trị sản xuất công nghiệp:

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 3/2014 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 568,34 tỷ đồng, tăng 7,01% so với tháng trước và tăng 20,0% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 516,89 tỷ đồng, tăng 24,29%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 6,26 tỷ đồng, tăng 7,54%. Riêng công nghiệp khai khoáng ước đạt 21,78 tỷ đồng, giảm 6,62%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước đạt 23,41 tỷ đồng, giảm 8,15% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung trong quý I năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 1676,27 tỷ đồng, tăng 11,36% so với cùng kỳ năm trước. Đây là quý mức tăng trưởng khá và cao hơn so với mức tăng trưởng năm trước (8,5%) và đạt 25,71% so với kế hoạch năm 2015¹.

1.2. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 03/2015 tăng 20,46% so với tháng trước (do tháng 02/2015 trùng vào dịp Tết Nguyên Đán, thời gian nghỉ kéo dài) và tăng 10,43% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 19,9%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,09%; công nghiệp khai khoáng giảm 16,4%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 36,84%; so với cùng kỳ năm trước.

¹ Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 1515,6 tỷ đồng, tăng 17,07%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 18,33 tỷ đồng, tăng 6,38%; công nghiệp khai khoáng ước đạt 71,10 tỷ đồng, giảm 18,25%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước đạt 71,25 tỷ đồng, giảm 33,07% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung, chỉ số sản xuất công nghiệp trong quý I năm 2015 tăng 11,63% so với cùng kỳ năm trước².

1.3. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Trong tháng 3/2014, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Đồ uống không cồn, nước khoáng ước đạt 770 ngàn lít, tăng 17,56%; may mặc, may trang phục ước đạt 167 ngàn cái, tăng 12,84%; gỗ xẻ ước đạt 9,52 ngàn m³, tăng 11,74%; gạch xây ước đạt 13,7 triệu viên, tăng 8,64%; điện thương phẩm ước đạt 35,0 triệu Kwh, tăng 6,06%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Điện sản xuất ước đạt 16,0 triệu Kwh, giảm 65,22%; Lốp xe các loại ước đạt 60 ngàn cái, giảm 60,26%; quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit ước đạt 684,0 tấn, giảm 59,67%; săm xe các loại ước đạt 140 ngàn cái, giảm 51,05%; phân bón NPK ước đạt 2,0 ngàn tấn, giảm 49,85%; đá xây dựng ước đạt 53,4 ngàn m³, giảm 27,15%; tinh bột sắn ước đạt 9,434 ngàn tấn, giảm 5,92%; xi măng Portland ước đạt 17,5 ngàn tấn, giảm 9,28%.

Tính chung, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong quý I năm 2015 có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước như: Dầu nhựa thông ước đạt 304 tấn, tăng 340,58%; gỗ cưa, gỗ xẻ ước đạt 17,75 ngàn m³, tăng 45,46%; đồ uống không cồn, nước khoáng ước đạt 2,375 triệu lít, tăng 23,38%; tinh bột sắn ước đạt 26,825 ngàn tấn, tăng 13,72%; điện thương phẩm ước đạt 107 triệu Kwh, tăng 11,46%. Một số sản phẩm tăng trưởng ổn định như: Gạch xây ước đạt 38,66 triệu viên, tăng 7,15%; Xi măng Portland ước đạt 48,143 ngàn tấn, tăng 5,58%; nước uống được ước đạt 2,338 triệu m³, tăng 1,78%. Bên cạnh đó một số sản phẩm chững lại và giảm như: Điện sản xuất ước đạt 40,0 triệu Kwh, giảm 61,54%; lốp xe các loại ước đạt 231,0 ngàn cái, giảm 41,37%; săm xe các loại ước đạt 512,0 ngàn cái, giảm 28,39%; phân bón NPK ước đạt 7,392 ngàn tấn, giảm 26,75%; đá xây dựng ước đạt 137 ngàn m³, giảm 19,14%; quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit ước đạt 2982,0 tấn, giảm 25,99%; ván ép ước đạt 17,89 ngàn m³, giảm 5,03%; tấm lợp Phibro xi măng ước đạt 943,0 ngàn m², giảm 3,08%.

1.4. Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:

Chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 02/2015 giảm 33,88% so với tháng trước và tăng tương đối cao (31,1%) so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng khá như: Xi măng Portland tăng 547,83%; hóa chất tăng 192,72%; may mặc, may trang phục tăng 30,09%; tấm lợp Phibro xi măng tăng 19,15%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 18,71%; phân bón NPK tăng 11,25%.

² Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 21,78%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,02%; Riêng công nghiệp khai khoáng giảm 15,65% (nguyên chủ yếu do nguồn quặng ngày càng thu hẹp và tình siết chặt quản lý khai thác khoáng sản); sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 39,19% so với cùng kỳ năm trước (Do Ngành sản xuất và phân phối điện giảm mạnh (49,5%), lượng nước các hồ thủy điện không đủ cho Nhà máy hoạt động liên tục, trong 2 tháng đầu năm chỉ có 1 tổ máy hoạt động và thời gian hoạt động ngắn).

Từ đầu năm đến thời điểm 01/3/2015, chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 50,24% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: Xi măng Portland đen tăng 713,25%; hóa chất tăng 84,64%; tấm lợp Phibro xi măng tăng 44,89%; may mặc, may trang phục tăng 41,29%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 20,12%; tinh bột sắn tăng 17,98%.

1.5. Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/3/2015 tăng 135,79% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 40,72% so với thời điểm cùng kỳ năm trước. Trong đó các ngành có chỉ số sản phẩm tồn kho tăng như: Săm xe, lốp xe các loại tăng 144,71%; xi măng Portland đen tăng 115,27%; dầu nhựa thông tăng 61,41%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 51,59%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 21,25%. Bên cạnh đó, các ngành có chỉ số sản phẩm tồn kho giảm như: Ván ép giảm 56,92%; tinh bột sắn giảm 56,1%; gạch xây giảm 0,55% so với thời điểm cùng kỳ năm trước.

2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng trước tháng 3 năm 2015 ước đạt 1576,8 tỷ đồng, giảm 18,1% so với tháng trước (do nhu cầu về hàng hóa phục vụ cho tiêu dùng giảm sau dịp Tết Nguyên đán) và tăng 6,6% so với tháng cùng kỳ năm trước. Cộng dồn 3 tháng đầu năm 2015, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 5190,26 tỷ đồng, tăng 12,78% so với cùng kỳ năm trước và đạt 23,59% so với kế hoạch năm 2015.

2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 3 năm 2015 ước đạt 1355,2 tỷ đồng, giảm 19,64% so với tháng trước và tăng 6,14% so với tháng cùng kỳ năm trước. Cộng dồn 3 tháng đầu năm 2015, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 4492,31 tỷ đồng, tăng 12,45% so với cùng kỳ năm trước và đạt 23,77% so với kế hoạch năm 2015³.

2.2. Doanh thu hoạt động dịch vụ:

Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 3 năm 2015 ước đạt 221,59 tỷ đồng, giảm 7,35% so với tháng trước và tăng 9,51% so với tháng cùng kỳ năm trước. Cộng dồn 3 tháng đầu năm 2015, doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 697,96 tỷ đồng, tăng 14,92% so với cùng kỳ năm trước, đạt 22,51% so với kế hoạch năm 2015.

2.3. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:

2.3.1. Xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu tháng 3 năm 2015 ước đạt 8,11 triệu USD, tăng 9,7% so với tháng trước và giảm 24,65% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, kinh tế nhà nước ước đạt 6,1 triệu USD, giảm 3,14%; kinh tế tư nhân ước đạt 17,2 triệu USD, giảm 14,61%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2,25 triệu USD, tăng 1,49%.

³ Trong đó, phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 331,8 tỷ đồng, giảm 24,83%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 2604,94 tỷ đồng, tăng 15,92%; kinh tế tư nhân ước đạt 1555,4 tỷ đồng, tăng 19,07% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung trong quý I năm 2015, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá ước đạt 25,55 triệu USD, giảm 10,84% so với cùng kỳ năm trước, đạt 12,16% so với kế hoạch năm 2015⁴. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu tăng so với cùng kỳ năm trước như: Sản phẩm bằng gỗ tăng 110,07%; cà phê tăng 108,33%;

2.3.2. Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 3 năm 2015 ước đạt 7,21 triệu USD, tăng 7,24% so với tháng trước và giảm 42,48% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, kinh tế nhà nước ước đạt 0,4 triệu USD, giảm 74,52%; kinh tế tư nhân ước đạt 6,67 triệu USD, giảm 34,87%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 0,15 triệu USD, giảm 80,05%.

Tổng kim ngạch nhập khẩu trong quý I năm 2015 ước đạt 22,26 triệu USD, giảm 30,11% so với cùng kỳ năm trước, đạt 9,68% so với kế hoạch năm 2015. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu tăng như: Sữa và các sản phẩm sữa tăng gấp 12lần; gỗ và các sản phẩm từ gỗ tăng 5,23%; hàng điện gia dụng và linh kiện tăng 8,53%.

3. Chỉ số giá tiêu dùng:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 năm 2015 so tháng trước tăng 0,18%, đây là tháng thứ hai liên tiếp chỉ số giá tiêu dùng tăng từ đầu năm đến nay. Nguyên nhân là do nhà nước điều chỉnh giá điện, giá xăng tăng; giá dịch vụ giáo dục tăng do vào mùa luyện thi và ảnh hưởng sau dịp Tết nguyên đán nên giá ăn uống ngoài gia đình tăng. Một số nhóm hàng có mức tăng nhẹ như: Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,73%; nhóm thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,44%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,12%; nhóm giáo dục tăng 0,28%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%. Các nhóm hàng còn lại có mức giảm giao động từ 0,17-0,51%.

Nhìn chung, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 năm 2015 so với thời điểm tháng 12/2014 tăng 0,14%. Trong đó, ngoại trừ nhóm hàng giao thông và bưu chính viễn thông có mức giảm sâu lần lượt là 7,72% và 1,26%. Các nhóm hàng có mức tăng, dẫn đầu là nhóm nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,55%; tiếp đến nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,13%; nhóm hàng đồ uống, thuốc lá tăng 1,11%; nhóm thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,95%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,79%; nhóm giáo dục tăng 0,28%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,14%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,05%.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

1. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch:

- Tham mưu Ban cán sự Đảng ủy UBND tỉnh làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch ngành Công Thương giai đoạn 2011-2015, phương hướng nhiệm vụ 2016-2020 và các đề án trọng điểm phát triển của ngành; Tham mưu dự thảo báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015 của ngành Công Thương.

⁴ Nguyên nhân chủ yếu là do các mặt hàng xuất khẩu chưa tìm kiếm được thị trường, chưa ký kết được hợp đồng mới; giá cả một số mặt hàng (cao su, gỗ, hàng rau quả, rượu...) giảm; một số thị trường lớn (như Trung Quốc) hạn chế nhập gỗ, phân bón, tinh bột sắn.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị báo cáo Quy hoạch chung xây dựng Khu Đông Nam tỉnh Quảng Trị đến năm 2030; Hoàn chỉnh hồ sơ đề án Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2020, có xét đến năm 2030 để trình Bộ Công Thương phê duyệt; Trình duyệt đề cương Quy hoạch phát triển điện lực hợp phần 1 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2025.

- Triển khai công tác lập và báo cáo tiến độ thực hiện điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Hướng dẫn điều chỉnh quy hoạch các cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Hoàn chỉnh Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Xây dựng và triển khai Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển ngành Công Thương năm 2015; Chương trình công tác trọng tâm của Sở năm 2015; Bổ sung, điều chỉnh một số nội dung Chương trình công tác trọng tâm của Sở năm 2015.

2. Công tác thu hút, xúc tiến dự án đầu tư:

- Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án đầu tư khác trong khu Đông Nam Quảng Trị; Tham mưu UBND tỉnh tổ chức họp bàn thống nhất vị trí xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông Mỹ Thủy tại Khu Đông Nam Quảng Trị.

- Tham mưu UBND tỉnh làm việc với Viện Dầu khí, doanh nghiệp liên quan về các dự án đầu tư khí đốt trên địa bàn tỉnh; Cùng UBND tỉnh kiểm tra tình hình triển khai các dự án và tình hình sản xuất các nhà máy trong khu công nghiệp và trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Sở Kế hoạch & Đầu tư đề xuất cơ cấu vốn đầu tư cho Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị năm 2015; Lập kế hoạch, hồ sơ và tổ chức đấu thầu tư vấn thiết kế hạng mục cấp điện xã Triệu Thượng (thuộc Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020).

3. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực công nghiệp:

- Nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và tham mưu các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; Đôn đốc thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp; Phối hợp tổ chức tuyển chọn giới thiệu doanh nghiệp của ngành Công Thương tham dự giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2015.

- Khảo sát, xây dựng các mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp tại các doanh nghiệp; Tham mưu, đề xuất các nội dung triển khai phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh

- Làm việc với UBND huyện Đakrông về khôi phục và phát triển làng nghề, ngành nghề thủ công nghiệp trên địa bàn huyện; Chỉ đạo triển khai xây dựng các đề án khuyến công tỉnh đợt I năm 2015 và tổng hợp tình hình hoạt động khuyến công cấp huyện năm 2014.

4. Công tác quản lý an toàn kỹ thuật và môi trường:

- Hướng dẫn các doanh nghiệp trong ngành xây dựng Kế hoạch hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về An toàn vệ sinh lao động- phòng chống cháy nổ lần thứ 17 năm 2015; Tăng cường công tác an toàn trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp sau tết Âm Lịch 2015.

- Tổ chức các lớp huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất đối với các doanh nghiệp; Huấn luyện, kiểm tra sát hạch kiến thức an toàn thực phẩm; huấn luyện kỹ an toàn thuật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; bồi dưỡng nghiệp vụ về bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu trên địa bàn.

- Tổ chức Kiểm tra tình hình thực hiện biện pháp an toàn hoá chất; kiểm định các máy nén khí, máy nổ mìn tại các doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực điện năng:

- Tham mưu xây dựng quy chế hoạt động của Ban quản lý dự án điện nông thôn; Quy chế phối hợp quản lý các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Tổ chức và phối hợp với đơn vị tư vấn xây dựng Phương án cấp điện huyện đảo Đảo Côn Cỏ; Phối hợp thụ lý đơn khiếu nại của Công ty Cổ phần Thượng Hải về công trình thủy điện ĐaKrông 4.

- Phối hợp Công ty Điện lực Quảng Trị tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ trương về Tiết kiệm điện và hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2015.

6. Công tác quản lý nhà nước về thương mại:

- Chỉ đạo các doanh nghiệp, Ban Quản lý chợ, các phòng Kinh tế & Hạ tầng, phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố, về công tác đảm bảo phục vụ Tết Nguyên đán Âm Lịch năm 2015.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các ngành, lực lượng, đơn vị liên quan triển khai Chỉ thị số 30/CT –TTg, Quyết định số 2371/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công văn chỉ đạo số 3728/UBND – TM ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, thuốc lá; Tổ chức tiêu huỷ thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả theo Quyết định số 2371/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 19/2015/TT – BTC Bộ Tài chính.

- Tham mưu kiểm tra công tác dự trữ hàng hoá phục vụ bình ổn thị trường trong dịp Tết Nguyên đán Âm Lịch năm 2015 tại các doanh nghiệp được phân công; Kiểm tra tình hình thị trường, giá cả, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và công tác phòng cháy chữa cháy tại các chợ trên địa bàn tỉnh trong dịp Tết nguyên đán Âm Lịch năm 2015.

7. Công tác xúc tiến thương mại và hội nhập kinh tế:

- Tham mưu phê duyệt 05 Đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh năm 2015; Chỉ đạo triển khai 01 Đề án hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Hội chợ thương mại Hải Lăng 2015; Hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch tổ chức Hội chợ

Thương mại Quốc tế Nhịp cầu Xuyên Á - Quảng Trị năm 2015; Giám sát tổ chức Hội chợ Thương mại Đông Hà 2015, hội chợ Thương mại Hải Lăng 2015;

- Triển khai kế hoạch phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2011-2015; phối hợp với EcomViet xây dựng Đề án thương mại điện tử quốc gia năm 2016; Lập Kế hoạch xây dựng Đề án phát triển Xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị hợp tác Du lịch, thương mại và đầu tư 3 tỉnh Quảng Trị - Savannakhet - Mukdahan 2015.

- Phối hợp với Viện Mekong thực hiện dự án “Nâng cao năng lực hướng tới phát triển toàn diện và bình đẳng tiểu vùng Mekong” của Viện Mekong tại tỉnh Quảng Trị.

8. Công tác kiểm soát giá cả, quản lý thị trường:

- Sở đã chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên địa bàn, cụ thể: Thực hiện 03 chuyên mục, phóng sự, đưa tin thời sự về công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường dịp Tết Nguyên đán; Hướng dẫn pháp luật trực tiếp cho 1.483 lượt/hộ sản xuất, kinh doanh; Tổ chức ký cam kết với 52 cơ sở sản xuất, kinh doanh; Đặc biệt là địa bàn vùng sâu, vùng xa.

- Tham mưu thành lập và triển khai các Tổ kiểm tra thị trường nội địa tập trung vào các địa bàn trọng điểm, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các chợ trung tâm; Phối hợp với Ban quản lý các chợ, các Trung tâm thương mại tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi 2015.

- Trong quý I năm 2015 lực lượng quản lý thị trường tiến hành kiểm tra 285 vụ và xử lý vi phạm 217 vụ. Trong đó, hàng cấm 53 vụ; hàng nhập lậu 65 vụ; hàng giả, kém chất lượng và quyền sở hữu trí tuệ 06 vụ; vi phạm về đầu cơ, găm hàng, sai phạm trong lĩnh vực giá 25 vụ; vi phạm trong kinh doanh 22 vụ, vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm 08 vụ, vi phạm khác (nhãn hàng hóa) 38 vụ. Tổng số tiền xử phạt hành chính 844,9 triệu đồng; tiền bán hàng hoá tịch thu 416,0 triệu đồng; trị giá hàng hóa chưa bán 437,7 triệu đồng; trị giá hàng tiêu hủy 453,3 triệu đồng.

9. Công tác thanh tra, kiểm tra:

- Tham mưu trả lời Đơn kêu cứu của công dân về xây dựng Cửa hàng xăng dầu gây nguy hiểm trên địa bàn thị xã Quảng Trị; Xử lý "Đơn Dân nguyện"; Hướng dẫn công dân ở xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật.

- Tham mưu giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 115/UBND-TH ngày 13/01/2015; Báo cáo tổng kết, đánh giá công tác tiếp nhận, giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri; Xử lý vi phạm hành chính đối với chủ đầu tư Công trình cầu Cam Hiếu (Sở Giao thông & Vận tải Quảng Trị); Tham gia đoàn thanh tra do Sở Khoa học & Công nghệ chủ trì.

- Báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Sở năm 2014; Xây dựng Kế hoạch phòng, chống tham nhũng của Sở năm 2015; Hoàn

chính Kế hoạch phổ biến các quy định của Pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2015 và Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chuẩn bị nội dung thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về an toàn kỹ thuật công nghiệp, hóa chất, môi trường công nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm; Chuẩn bị các nội dung kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về an toàn điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với một số đơn vị sản xuất công nghiệp; một số khách sạn, siêu thị trên địa bàn tỉnh.

10. Công tác tổ chức, hành chính:

- Hoàn chỉnh và trình thông qua Đề án Thành lập Đội Quản lý thị trường số 6 thuộc Chi cục Quản lý thị trường Quảng Trị; Tổ chức rà soát và lập danh sách các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực; Đề nghị điều chỉnh thành viên tham gia các Ban chỉ đạo do UBND tỉnh quyết định.

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định của Sở; Phối hợp Trung tâm tin học của UBND tỉnh nâng cấp Website của Sở; Làm việc với Đoàn Văn phòng UBCQ tỉnh Savannakhet về kinh nghiệm ứng dụng Công nghệ thông tin của Sở.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch cải cách hành chính; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Sở năm 2015; Báo cáo kết quả đóng góp ý kiến Dự thảo Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Báo cáo kết quả đóng góp ý kiến Dự thảo Bộ Luật Dân sự (sửa đổi) của Sở.

- Hoàn thiện hồ sơ quyết toán kinh phí thường xuyên và các Ban chỉ đạo; Báo cáo kết quả 2 năm thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ; Trình Sở Tài chính thẩm định dự toán nguồn không tự chủ năm 2015; Hoàn thiện hồ sơ Quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

11. Công tác khác:

- Tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ kế hoạch của ngành Công Thương; Hội nghị cán bộ công chức; Tổng kết công tác năm 2014 của các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống Dân quân tự vệ Việt Nam; Kế hoạch hướng về cuối nguồn của Đoàn Thanh niên cơ quan Sở.

- Tổ chức Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tổ chức kiểm điểm tập thể và cá nhân Lãnh đạo Sở; Chuẩn bị nội dung tổ chức làm việc với các huyện thị, thành phố về triển khai nhiệm vụ kế hoạch phát triển công nghiệp - thương mại năm 2015.

III. Một số công tác trọng tâm quý II năm 2015

- Xây dựng chương trình làm việc với các huyện, thị xã, thành phố về Kế hoạch phát triển công nghiệp - thương mại năm 2015; Làm việc với một số doanh nghiệp trong ngành để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và tham mưu các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức công bố Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2020, có xét đến năm 2030; Tổ chức đấu thầu lựa chọn tư vấn và thực hiện lập Quy hoạch phát triển điện lực hợp phần 1 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035.

- Triển khai lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030; Tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định Đồ án quy hoạch phát triển các Dự án có nhu cầu sử dụng khí đến năm 2020, định hướng đến 2030; Làm việc với Sở Tài chính về việc phê duyệt đề cương và dự toán xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.

- Hoàn chỉnh phương án cấp điện Đảo Cồn Cỏ để báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương trình Thủ tướng xem xét; Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế và dự toán hạng mục cấp điện xã Triệu Thượng (thuộc Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020).

- Hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1, dự án nhà máy sản xuất bao bì thủy tinh Châu Âu và các dự án đầu tư vào Khu Đông Nam Quảng Trị.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Quyết định số 2146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Tham mưu triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; Khảo sát, xây dựng các mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; Hướng dẫn điều chỉnh quy hoạch các cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai xây dựng các đề án khuyến công tỉnh đợt I/2015 để tổ chức thẩm định và Tổng hợp tình hình hoạt động khuyến công cấp huyện năm 2014; Triển khai các đề án khuyến công quốc gia đã được phê duyệt hỗ trợ.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra định kỳ về tình hình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kiểm tra an toàn hóa chất tại các doanh nghiệp hoạt động hóa chất, kiểm tra điều kiện kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng; Đoàn kiểm tra định kỳ về kỹ thuật an toàn công nghiệp tại các Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Thụ lý hồ sơ đề nghị cho phép đầu tư Thủy điện Bản Mới; Kiểm tra tình hình hoạt động của các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn.

- Tiếp tục chỉ đạo các ngành, lực lượng tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn trọng điểm và tuyến biên giới.

- Tổ chức rà soát và báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn; Tình hình đầu tư, xây dựng chợ đặc biệt là chợ nông thôn mới; công tác tổ chức quản lý chợ; Khảo sát, xem xét và đề nghị UBND tỉnh bổ sung quy hoạch một số cửa hàng xăng dầu theo đề nghị của UBND các huyện và doanh nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Quảng Trị triển khai chương trình ổn định thị trường và trình UBND tỉnh về kế hoạch dự trữ hàng hoá phục vụ công tác phòng chống lụt bão năm 2015.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai 04 đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị năm 2015; Tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển Thương mại điện tử năm 2015; Xây dựng Kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2020 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức đoàn giao thương mời gọi các địa phương, doanh nghiệp tham gia Hội chợ Thương mại Quốc tế Nhịp cầu Xuyên Á - Quảng Trị năm 2015; Hoàn chỉnh Đề cương dự toán Đề án sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh Quảng Trị đến 2020.

- Chuẩn bị các nội dung để tổ chức Hội nghị hợp tác Du lịch, Thương mại & Đầu tư 3 tỉnh Quảng Trị - Savannakhet - Mukdahan 2015; Triển khai dự án “Nâng cao năng lực hướng tới phát triển toàn diện và bình đẳng tiểu vùng Mekong” của Viện Mekong tại tỉnh Quảng Trị.

- Tổ chức Hội nghị Phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2015; Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao đối với các đội Quản lý thị trường trực thuộc Chi cục Quản lý Thị trường; Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu trả lời ý kiến cử tri theo yêu cầu Công văn số 4544/UBND-TH ngày 19/12/2014

- Triển khai kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về an toàn kỹ thuật công nghiệp, hóa chất, môi trường công nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, đối với các đơn vị hoạt động sản xuất công nghiệp và chế biến; Kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về an toàn điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với một số đơn vị sản xuất công nghiệp; một số khách sạn, siêu thị trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu kiện toàn bộ máy tổ chức của các phòng và đơn vị trực thuộc; Tổ chức rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ của Sở; Tham mưu xây dựng sửa đổi, bổ sung Quy chế, quy định của cơ quan Sở; Triển khai Kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức năm 2015; Tiếp tục triển khai công tác cải cách hành chính năm 2015 của Sở; Tiếp tục xây dựng, nâng cấp Trang thông tin điện tử của Sở Công Thương.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội nghị hợp tác phát triển của Sở Công Thương 6 tỉnh Bắc Trung Bộ.

IV. Đề xuất, kiến nghị:

- Kính đề nghị UBND tỉnh phê duyệt Đề án Thành lập Đội Quản lý thị trường số 6 thuộc Chi cục Quản lý thị trường Quảng Trị để triển khai thực hiện.

- Kính đề nghị Bộ Công Thương đề xuất với Bộ Tài Chính sửa đổi Thông tư 173/2013/TT-BTC cho phù hợp với thực tế trong việc xử lý các loại thực phẩm đang tạm giữ hoặc tịch thu có hạn sử dụng trên 30 ngày (2 tháng, 3 tháng ...); hướng dẫn xử lý mặt hàng sữa Ensure nước sau khi có quyết định tịch thu; xử lý rượu nhập lậu tịch thu có số lượng dưới 100 chai; nghiên cứu để điều chỉnh một

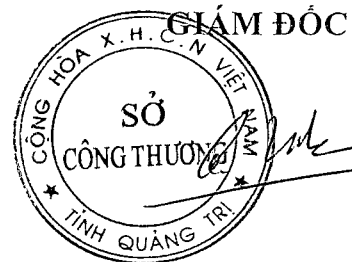
số quy định tại Nghị định 185/2013/NĐ-CP cho phù hợp, tránh mâu thuẫn, chồng chéo, trùng lặp nhằm đảm bảo việc thi hành trong thực tiễn được khả thi.

- Kính đề nghị Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Nội vụ sớm ban hành Thông tư liên tịch Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại của tỉnh, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 03 và quý I năm 2015 và một số nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2015; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *vp*



Lê Quang Vĩnh

Biểu số 01/SCT-BCT

Ngày nhận báo cáo: Ngày 20/3, 20/6, 20/9

Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo: - Vụ Kế hoạch;

- Vụ Thị trường trong nước;

- Cục Công nghiệp địa phương;

- Cục Quản lý thị trường.

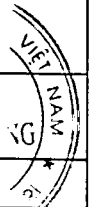
BÁO CÁO THÔNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm trước		Năm báo cáo			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 3	Thực hiện 3 tháng	Kế hoạch năm	Thực hiện tháng 3	Ước thực hiện 3 tháng	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cùng kỳ năm trước	So với kế hoạch năm
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
I	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng		473,62	1.505,2	6.520,0	568,34	1.676,27	120,00%	111,36%	25,71%
I	<i>Phân theo ngành công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>									
1,1	Công nghiệp khai khoáng	"		23,32	86,97		21,78	71,10	93,38%	81,75%	
1,2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"		415,88	1.294,56		516,89	1.515,60	124,29%	117,07%	
1,3	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	"		28,60	106,45		23,41	71,25	81,85%	66,93%	
1,4	Cung cấp nước, HD quản lý và xử lý nước thải	"		5,82	17,23		6,26	18,33	107,54%	106,38%	
II	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ	Sản phẩm									
1	Quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit	Tấn		1696	4.029,0		684	2.982	40,33%	74,01%	
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn		354	791,0		220	669	62,15%	84,58%	
3	Đá xây dựng	1000 m3		73,303	169,5		53,4	137	72,85%	80,86%	
4	Tinh bột sắn	Tấn		10028	23.589,0		9434	26.825	94,08%	113,72%	
5	Đồ uống không cồn, nước khoáng	1000 lít		655	1.925,0		770	2.375	117,56%	123,38%	
6	May mặc, may trang phục	1000 cái		148	337		167	470	112,84%	139,47%	
7	Gỗ cưa, gỗ xẻ	1000 m3		8,52	12,20		9,52	17,75	111,74%	145,46%	
8	Ván ép (gỗ MDF)	1000 m3		6,20	18,84		6,00	17,89	96,71%	94,97%	



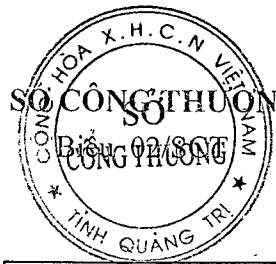
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm trước		Năm báo cáo			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 3	Thực hiện 3 tháng	Kế hoạch năm	Thực hiện tháng 3	Ước thực hiện 3 tháng	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cùng kỳ năm trước	So với kế hoạch năm
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
9	Dầu nhựa thông	Tấn		-	69,0		100	304	#VALUE!	440,58%	
10	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất khác	Tấn		-	601,0		400	1.234	#VALUE!	205,32%	
11	Phân bón NPK	Tấn		3988	10.091,0		2000	7.392	50,15%	73,25%	
12	Lốp xe các loại	1000 cái		151	394,0		60	231	39,74%	58,63%	
13	Săm xe các loại	1000 cái		286	715,0		140	512	48,95%	71,61%	
14	Gạch xây	1000 viên		12610	36.081,0		13700	38.660	108,64%	107,15%	
15	Xi măng Portland	Tấn		19290	45.598,0		17500	48.143	90,72%	105,58%	
16	Tấm lợp Phibro xi măng	1000 m2		485	973,0		346	943	71,34%	96,92%	
17	Tấm lợp bằng kim loại	Tấn		42	76,0		37	86	88,10%	113,16%	
18	Điện sản xuất	Triệu Kwh		46	104,0		16	40	34,78%	38,46%	
19	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh		33	96,0		35	107	106,06%	111,46%	
20	Nước uống được	1000 m3		743	2.297,0		770	2.338	103,63%	101,78%	
III	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng		1479,17	4.602,2	22.000	1.576,8	5.190,26	106,60%	112,78%	23,59%
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng		1276,81	3.994,9	18.900	1.355,2	4.492,31	106,14%	112,45%	23,77%
1	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng									
1,1	Kinh tế Nhà nước	"		143,04	441,39		113,29	331,80	79,20%	75,17%	
1,2	Kinh tế Tập thể	"		-	-		0,07	0,17	-	-	
1,3	Kinh tế Cá thể	"		702,18	2247,19		788,90	2604,94	112,35%	115,92%	
1,4	Kinh tế Tư nhân	"		431,59	1306,29		452,95	1555,40	104,95%	119,07%	
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"		-	-		-	-	-	-	
2	Doanh thu hoạt động dịch vụ			202,36	607,3	3100,00	221,590	697,96	109,51%	114,92%	22,51%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm trước		Năm báo cáo			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 3	Thực hiện 3 tháng	Kế hoạch năm	Thực hiện tháng 3	Ước thực hiện 3 tháng	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cùng kỳ năm trước	So với kế hoạch năm
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
1,1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, dịch vụ lữ hành)			151,50	446,30		164,43	499,18	108,54%	111,85%	
1,2	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Trừ lưu trú, ăn uống, dịch vụ lữ hành)	Tỷ đồng		50,86	161,03		57,16	198,77	112,38%	123,44%	
IV	Xuất khẩu										
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD		10,76	28,65	210,00	8,11	25,55	75,35%	89,16%	12,16%
	Phân theo thành phần kinh tế										
1,1	Kinh tế nhà nước			2,04	6,30		1,73	6,10	85,13%	96,86%	
1,2	Kinh tế tư nhân			7,62	20,14		5,64	17,20	73,97%	85,39%	
1,3	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài			1,11	2,22		0,74	2,25	66,85%	101,49%	
	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu										
1,1	Cà phê			0,32	0,24		-	0,50	-	208,33%	
1,2	Cao su			-	0,08		-	-	-	-	
1,3	Tinh bột sắn			1,14	4,57		1,00	3,91	88,03%	85,59%	
1,4	Gỗ			-	-		3,37	9,22	-	-	
1,5	Sản phẩm bằng gỗ			0,50	0,75		0,53	1,57	106,41%	210,07%	
1,6	Hàng hóa khác			-	23,18		3,21	10,85	-	46,80%	
V	Nhập khẩu										
1	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tr. USD		12,54	31,85	230,00	7,21	22,26	57,52%	69,89%	9,68%
	Phân theo thành phần kinh tế										
2,1	Kinh tế nhà nước			1,57	1,38		0,40	0,69	25,48%	50,18%	
2,2	Kinh tế tư nhân			10,24	28,72		6,67	20,72	65,13%	72,16%	
2,3	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài			0,73	1,75		0,15	0,84	19,95%	48,28%	



04

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm trước		Năm báo cáo			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 3	Thực hiện 3 tháng	Kế hoạch năm	Thực hiện tháng 3	Ước thực hiện 3 tháng	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cùng kỳ năm trước	So với kế hoạch năm
A	B	C	D		1	2		3		4=3/1	5=3/2
	Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu										
2.1	Sữa và sản phẩm sữa			0,03	0,09		0,59	1,24	2340,00%	1342,39%	
2.2	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ			5,15	14,79		5,17	15,56	100,31%	105,23%	
2.3	Hàng điện gia dụng và linh kiện			0,08	0,26		-	0,28	-	108,53%	
2.4	Hàng hóa khác			-	16,72		1,46	5,18	-	31,00%	
VI	Quản lý thị trường										
1	Số vụ kiểm tra trong lĩnh vực quản lý thị trường	Vụ		151	205,0	1.485,0	94,0	285,0	62,25%	139,02%	19,19%
	Trong đó: Tổng số vụ xử lý			55	182,0	630,0	56,0	217,0	101,82%	119,23%	34,44%
1.1	Hàng cấm	"		-	7,0	50,0	16,0	53,0	-	757,14%	-
1.2	Hàng nhập lậu	"		4	82,0	140,0	13,0	65,0	325,00%	79,27%	46,43%
1.3	Gian lận thương mại	"		-	1,0	-	-	-	-	-	-
1.4	Vi phạm về hàng giả, hàng kém chất lượng và quyề	"		-	4,0	20,0	2,0	6,0	-	-	-
1.5	Vi phạm về đầu cơ, găm hàng và sai phạm trong lĩn	"		33	14,0	140,0	6,0	25,0	18,18%	178,57%	-
1.6	Vi phạm trong kinh doanh	"		12	39,0	100,0	9,0	22,0	75,00%	56,41%	22,00%
1.7	Vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm	"		6	1,0	60,0	1,0	8,0	16,67%	-	-
1.8	Vi phạm khác (nhân hàng hóa)	"		-	34,0	120,0	9,0	38,0	-	111,76%	31,67%
2	Số tiền thu phạt trong kỳ	Tr. đồng		55,0	1.243,1	5.300,0	731,0	2.151,9	1328,12%	173,11%	40,60%
	Trong đó:										
2.1	Tiền phạt hành chính	Tr. đồng		21,05	183,4	1.000,0	469,3	844,9	2229,22%	460,67%	84,49%
2.2	Tiền bán hàng tịch thu	Tr. đồng		32,368	987,9	3.000,0	-	416,0	-	42,11%	13,87%
2.3	Trị giá hàng hóa chưa bán	Tr. đồng		-	-	-	116,8	437,7	-	-	-
2.4	Trị giá hàng tiêu hủy	Tr. đồng		1,62	71,8	1.300,0	145,0	453,3	8948,21%	631,38%	34,87%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 3/2015

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 02/2015		Tháng 3/2015			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 3/2015 so với tháng 3/2014
	So với cùng kỳ năm gốc 2010	So với tháng cùng kỳ năm trước (2014)	So với cùng kỳ năm gốc 2010	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước (2014)	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	114,57	102,75	174,65	120,46	110,43	111,63
1. Công nghiệp khai khoáng	35,38	71,30	41,93	118,20	83,60	84,35
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	171,91	113,11	208,43	119,54	119,90	121,78
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	35,94	53,41	45,56	134,50	63,16	60,81
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	113,84	95,09	114,07	100,21	106,09	104,02



CHỈ SỐ TIÊU THỤ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO
Tháng 02/2015

Đơn vị: %

Tên ngành	Mã số	So với cùng kỳ năm gốc 2010	Tháng 02/2015 so với tháng 01/2015	Tháng 02/2015 so với tháng 02/2014	Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2015 so với cuối tháng 02/2014
A	B	1	2	3	4
Công nghiệp chế biến, chế tạo		139,96	66,12	131,10	150,24
1. Tinh bột sắn		178,13	32,75	64,02	117,98
2. Đồ uống không cồn, nước khoáng (Nước hoa quả)		215,73	97,67	118,71	120,12
3. May mặc, may trang phục		6,48	91,23	130,09	141,29
4. Gỗ cưa, gỗ xẻ		29,14	38,64	89,55	108,62
5. Ván ép (gỗ MDF)		77,58	75,26	72,26	82,71
6. Hóa chất		868,70	143,79	292,72	184,64
7. Phân bón NPK		173,87	58,51	111,25	97,05
8. Săm xe các loại		36,24	31,36	38,82	92,11
9. Lốp xe các loại		67,98	31,81	35,88	73,22
10. Gạch xây		46,77	82,19	77,76	74,29
11. Xi măng Portland đen		28,81	62,54	647,83	813,25
12. Tấm lợp Phibro xi măng		7.076,36	70,00	119,15	128,29
13. Tấm lợp bằng kim loại		81,54	48,18	73,10	144,89



CHỈ SỐ TỒN KHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

Tại thời điểm 01/3/2015

Đơn vị tính: %

Tên ngành	Mã số	So với cùng kỳ năm gốc 2010	Tháng 02/2015 so với tháng 01/2015	Tháng 02/2015 so với tháng 02/2014
A	B	1	2	3
Công nghiệp chế biến, chế tạo		136,64	235,79	140,72
1. Tinh bột sắn		54,92	346,96	43,9
2. Đồ uống không cồn, nước khoáng		79,04	95,69	151,59
3. May mặc, may trang phục		1.057,36	93,34	111,95
4. Gỗ cửa, gỗ xẻ		610,26	124,46	121,25
5. Ván ép (gỗ MDF)		29,28	418,34	43,08
6. Dầu nhựa thông		197,97	166,16	161,41
7. Phân bón NPK		1.558,60	88,60	138,92
8. Săm xe, lốp xe các loại		33,94	131,74	244,71
9. Gạch xây		67,85	120,63	99,45
10. Xi măng Portland		53,20	1.128,93	215,27
11. Tấm lợp Phibro xi măng		218,24	109,77	117,7

MR